

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Long Biên
2. Quách Thị Tình

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Tạ Thị Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1985

HKTT: Thôn 1 Tượng Liên, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Yên, xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Mai:* Bà Lê Thị Lý -

Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh số 08, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn L - Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn 1 Tượng Liên, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 28/9/2018 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Bùi Văn L sống chung với nhau như vợ chồng và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào khoảng năm 2012. Đến ngày 06/7/2016 chị và anh L đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không chịu khó làm ăn mà ham chơi bạn bè, chị khuyên can thì anh L chửi bới, đánh đập chị. Thời gian kéo dài khiến cho chị cảm thấy mệt mỏi. Chị và anh L đã sống ly thân đến nay được

02 năm không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Bùi Long Thiện, sinh ngày 21/7/2014. Khi vợ chồng sống ly thân, cháu Thiện ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Bùi Văn L hai lần để làm bản tự khai nhưng anh L đều vắng mặt nên không có lời khai của anh L trong hồ sơ vụ án.

Cũng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh L không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Lưu theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh L đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Lý: Về hôn nhân, xét thấy trong cuộc sống vợ chồng chị M và anh L có quá nhiều mâu thuẫn và đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị M được ly hôn anh L. Về con cái, giao con chung là cháu Bùi Long Thiện, sinh ngày 21/7/2014 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí, đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án để miễn tiền án phí cho chị Nguyễn Thị M.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về cơ bản Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Mai được ly hôn anh L. Về con cái giao cháu Bùi Long Thiện cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Về tài sản, chị Mai không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Văn L chung sống như vợ chồng từ năm 2012 và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ. Đến ngày 06/7/2016 chị M và anh L đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Việc đăng ký kết hôn giữa chị M và anh L là tự nguyện không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Quá

trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng nhau về quan điểm và lối sống, hay xảy ra cãi vã bất hòa. Vợ chồng không có sự thông cảm chia sẻ với nhau trước những khó khăn trong cuộc sống và không thể chấp nhận và bỏ qua cho nhau những lỗi lầm nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày. Chị M đã về nhà bố mẹ đẻ từ hai năm nay và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Việc này đã được trưởng thôn 1 -Trương Liên và UBND xã Thạch Tượng xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù anh L đã được thông báo hợp lệ đến để làm bản tự khai trình bày ý kiến và tham gia hòa giải nhưng anh L đều vắng mặt, chứng tỏ anh L không còn tha thiết cuộc hôn nhân với chị M nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Bùi Văn L để giải phóng cho người phụ nữ là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con cái: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Văn L có một con chung là Bùi Long Thiện, sinh ngày 21/7/2014. Ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy, cháu Thiện đang còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ và từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu luôn ở với mẹ. Để đảm bảo khả năng phát triển bình thường và điều kiện học hành ổn định cho cháu, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu Thiện. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị M giao cháu Thiện cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế và các quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị M không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Do chị M là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị M đã có đơn xin miễn tiền án phí, vì vậy cần miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 207, khoản 1, điểm b khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm d khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Bùi Văn L.

Về con cái: Giao cháu Bùi Long Thiện, sinh ngày 21/7/2014 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

Anh L có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Miễn nộp tiền án phí DSST cho chị Nguyễn Thị M, trả lại cho chị M 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003449 ngày 28/9/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Thị M, vắng mặt anh Bùi Văn L. Chị M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạch Tượng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Long Biên

Quách Thị Tình

Phạm Văn Hùng